

STANDARD COMMISSIONS AND CHARGES FOR ACCOUNT AND REMITTANCE

for Corporates

Effective date: 01/03/2026

1. ACCOUNT MANAGEMENT	
1.1. Opening account	Waived
- Special Handling for opening account	As agreed case by case
1.2. Minimum Monthly Average Account Balance - Corporate (*)	
- VND Account	VND 15,000,000
- USD Account	USD 1,000
1.3. Monthly Account Management Fee - Corporate (**)	
Applicable if account balance of all account falls under the minimum average account balance above	
- VND Account	VND 100,000
- USD Account	USD 5 or VND equivalent
1.4. Monthly Account Management Fee - Individual (***)	
- VND Account	VND 10,000
- USD Account	USD 0.5 or VND equivalent
1.5. Account Closing Fee (closed within 12 months from opening date)	USD 50/account or VND equivalent Note: it is not applied for NRA or Rep Office's account
1.6. Deposit Balance Certificate Fee	VND 100,000 / case
1.7. Audit Confirmation Fee	VND 100,000 / case
1.8. Other Confirmation Fee	VND 100,000 / case Note: it is not applied to confirmation letter for capital injection or foreign loan.
1.9. Bank Statement Additional copies	VND 50,000 / account / copy
1.10. Transaction advice additional copies (Applicable for document extraction requests later than 90 days from the transaction date)	VND 50,000/advice
2. ELECTRONIC BANKING CHANNEL	
- Registration	Waived
- Monthly Maintenance Fee	Waived
- Physical Token	VND 300,000 / unit
- Mobile OTP	Waived
3. ELECTRONIC BANKING CHANNEL VIA API CONNECTION	
3.1. Payment Service	
3.1.1. Service Setup	
Standard	VND4,500,000
Customized as per client request	As agreed case by case
3.1.2. Monthly Maintenance	VND1,000,000/month
3.2. Enquiry Service	
3.2.1. Service Setup	
Standard	VND2,000,000
Customized as per client request	As agreed case by case
3.2.2. Monthly Maintenance	VND1,000,000 / month
4. CASH TRANSACTION	
4.1. Cash Deposit	
- In VND	Waived
4.2. Cash Withdrawal	
- In VND	Waived
5. REMITTANCE	
5.1 Inward Remittance	
- Within Vietnam	Waived
- From Overseas	Waived
5.2 Outward Domestic Remittance	
5.2.1 Within CUB Vietnam	Waived
5.2.2 To IVB	
- VND	VND 100,000
- USD	USD 10
5.2.3 To other banks in Vietnam	
Payment in foreign currency	0.1% (Min USD 15 Max USD 50)
Payment in VND	0.03% (Min VND 100,000 Max VND 1,000,000)
5.2.4 Amendment / Cancellation / Investigation fee	VND 25,000 & other bank fee, if any
5.3 Outward Overseas Remittance	
5.3.1 Cathay Global Pay	
- Commission	USD 30 plus cable
- Cable	USD 20
5.3.2 Normal overseas remittance	
- Commission	0.2 % (Min USD 15 Max USD 200) plus cable
- Cable	USD 20

BIỂU PHÍ TIÊU CHUẨN DỊCH VỤ THANH TOÁN VÀ TÀI KHOẢN

Khách Hàng Doanh Nghiệp

Ngày Hiệu lực: 01/03/2026

1. DỊCH VỤ QUẢN LÝ TÀI KHOẢN	
1.1. Mở Tài Khoản	Miễn phí
- Phí xử lý đặc biệt khi thực hiện mở tài khoản	Theo thỏa thuận từng trường hợp
1.2. Số dư trung bình tài khoản tối thiểu hàng tháng - Doanh nghiệp*	
- Tài khoản VND	15.000.000 VND
- Tài khoản USD	1.000 USD
1.3. Phí quản lý tài khoản hàng tháng - Doanh nghiệp**	
Áp dụng nếu số dư trung bình tất cả tài khoản thấp hơn số dư trung bình tối thiểu hàng tháng nêu trên	
- Tài khoản VND	100.000 VND
- Tài khoản USD	5 USD
1.4. Phí quản lý tài khoản hàng tháng - Cá nhân***	
- Tài khoản VND	10.000 VND
- Tài khoản USD	0.5 USD hoặc tương đương VND
1.5. Phí đóng tài khoản (Đóng trong vòng 12 tháng kể từ khi mở tài khoản)	USD 50 / tài khoản hoặc tương đương VND Lưu ý: Không áp dụng với tài khoản của người không cư trú hoặc của văn phòng đại diện)
1.6. Phí xác nhận số dư	100.000 VND / lần yêu cầu
1.7. Phí xác nhận kiểm toán	100.000 VND / lần yêu cầu
1.8. Phí xác nhận khác	100.000 VND / lần yêu cầu Lưu ý: Không áp dụng với thư xác nhận tiền về tài khoản vốn hoặc tài khoản vốn vay trả nợ nước ngoài
1.9. Phát hành thêm sao kê	50.000 VND / tài khoản / bản sao
1.10. Phát hành thông báo giao dịch (áp dụng với các yêu cầu truy xuất chứng từ trễ hơn 90 ngày kể từ ngày giao dịch)	50.000 VND / thông báo
2. KÊNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ	
- Phí cài đặt	Miễn phí
- Phí duy trì hàng tháng	Miễn phí
- Thiết bị bảo mật	300.000 VND / cái
- Thiết bị bảo mật điện tử	Miễn phí
3. KÊNH GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ THÔNG QUA KẾT NỐI API	
3.1. Dịch vụ thanh toán	
3.1.1. Phí kết nối	
Tiêu chuẩn	VND4,500,000
Điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng	Theo thỏa thuận từng trường hợp
3.1.2. Phí duy trì hàng tháng	VND1,000,000 / tháng
3.2. Dịch vụ truy vấn	
3.2.1. Phí kết nối	
Tiêu chuẩn	VND2,000,000
Điều chỉnh theo yêu cầu khách hàng	Theo thỏa thuận từng trường hợp
3.2.2. Phí duy trì hàng tháng	VND1,000,000 / tháng
4. GIAO DỊCH TIỀN MẶT	
4.1. Nộp tiền mặt	
- Bằng VND	Miễn phí
4.2. Rút Tiền Mặt	
- Bằng VND	Miễn phí
5. GIAO DỊCH CHUYỂN TIỀN	
5.1. Nhận tiền về	
- Trong nước	Miễn phí
- Từ nước ngoài	Miễn phí
5.2. Chuyển tiền trong nước	
5.2.1. Chuyển tiền nội bộ trong CUB Vietnam	Miễn phí
5.2.2. Chuyển tiền đến IVB	
- Bằng VND	100.000 VND
- Bằng USD	USD 10
5.2.3. Chuyển tiền đến ngân hàng khác tại Việt Nam	
Chuyển tiền bằng ngoại tệ	0.1% (Tối thiểu USD 15, Tối đa USD 50)
Chuyển tiền bằng VND	0.03% (Tối thiểu VND 100,000, Tối đa VND 1,000,000)
5.2.4. Chỉnh sửa / Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	25.000 VND & phí ngân hàng khác, nếu có
5.3. Chuyển tiền nước ngoài	
5.3.1. Chuyển theo phương thức Cathay Global Pay	
- Phí dịch vụ	30 USD cộng điện phí
- Điện phí	20 USD
5.3.2. Chuyển tiền đi nước ngoài	
- Phí dịch vụ	0.2% (Tối thiểu 15 USD - Tối đa 200 USD) cộng điện phí
- Điện phí	20 USD

5.3.3 Amendment/Cancellation/Investigation Fee	USD10 + cable charge & other bank charge, if any
5.3.4 Cable charge	USD20
5.3.5. Correspondent bank charge for USD payment with OUR charge type	USD20 Note: It is not applicable in which beneficiary is/at CUB HO and CUB HO is assigned as correspondent bank or using Cathay Global Pay
6. ESCROW SERVICES	
Escrow account service fee	As agreed case by case
7. OTHER GENERAL CHARGES	
- Courier - on request	Charged as per DHL pricing table
- Postage (local) - on request	USD 2 or in VND equivalent
- Postage (overseas) - on request	USD 10 or in VND equivalent

5.3.3. Phí chính sửa/ Hủy / Tra soát lệnh chuyển tiền	USD10 + điện phí & phí ngân hàng khác, nếu có
5.3.4. Điện phí	USD20
5.3.5. Phí ngân hàng đại lý với giao dịch thanh toán USD với phí OUR	USD20 Lưu ý: Không thu phí này trong trường hợp người thụ hưởng ở CUB HO và CUB HO được chỉ định là ngân hàng đại lý hoặc chuyển theo phương thức Cathay Global Pay.
6. PHÍ DỊCH VỤ KÝ QUỸ	
Phí dịch vụ tài khoản ký quỹ	Theo thỏa thuận từng trường hợp
7. CÁC PHÍ CHUNG KHÁC	
- Chuyển phát nhanh - theo yêu cầu	Áp dụng theo bảng giá của DHL
- Bưu phí (nội địa) - theo yêu cầu	USD 2 hoặc tương đương VND
- Bưu phí (nước ngoài) - theo yêu cầu	USD 10 hoặc tương đương VND

* Monthly Average Account Balance: Only applicable to corporate customer = The sum of the daily end-of-day customer's all account balance of the current month by currency (if it falls on a holiday, the end-of-day amount of the previous business day) ÷ the total number of days in the current month.

** Account management fee (monthly) corporate: Only applicable to corporate customer and for those account(s) is to be opened from 01-February-2024. Starting from the month following the account opening date (no fee is charged in the month of account opening), the average monthly deposit balance of the account in the previous month will be reviewed regularly and account management fee shall be charged on the 25th day of the next month in respect of any current account if the Customer fails to maintain the required minimum balance, (if it falls on a holiday, it will be deducted from the next working day).

*** Account Management fee (monthly) – individual: Only applicable to individual customer and for those account(s) is to be opened from 01-February-2024

Notes:

- These Commissions and Charges are subject to the Bank's sole decision to change without prior notice.
- Commissions and charges stipulated herein are excluded VAT and third party / correspondent bank charges, if any
- Commissions and charges paid subject to tariff will not be refunded if Customers cancel the transaction.
- Unless otherwise instructed by the Bank:
The commissions / charges for outgoing funds are for account of ordering party / applicant
The commissions / charges for incoming funds, if any, are for beneficiary's account
- Service fee shall follow this Standard Commissions and Charges unless otherwise agreed.
- In case fee is collected in a different currency with the currency stipulated in the bank tariff, the exchange rate of the currency conversions determined by the Bank will be applied
- In case of any inconsistency between Vietnamese and English contents, the English version shall prevail.

* Số dư trung bình tài khoản hàng tháng: Chỉ áp dụng đối với khách hàng tổ chức. Số dư trung bình (hàng tháng) = Tổng số dư tài khoản cuối ngày của Khách hàng trong tháng hiện tại theo loại tiền tệ (nếu rơi vào ngày nghỉ thì sẽ là số dư cuối ngày của ngày làm việc trước đó) ÷ tổng số ngày trong tháng hiện tại

** Phí quản lý tài khoản (hàng tháng) - tổ chức: Chỉ áp dụng đối với khách hàng tổ chức và áp dụng cho (các) tài khoản được mở từ ngày 01 tháng 02 năm 2024. Bắt đầu từ tháng sau ngày mở tài khoản (không thu phí trong tháng mở tài khoản), số dư tiền gửi trung bình của tài khoản trong tháng trước của khách hàng sẽ được xem xét định kỳ vào ngày 25 của tháng tiếp theo. Ngân hàng sẽ tự động trích Phí quản lý tài khoản của bất kỳ tài khoản thanh toán nào của Khách hàng nếu Khách hàng không duy trì số dư tiền gửi tối thiểu được yêu cầu (nếu rơi vào ngày nghỉ thì sẽ trừ vào ngày làm việc tiếp theo).

*** Phí quản lý tài khoản (hàng tháng) – Cá nhân: Chỉ áp dụng đối với khách hàng cá nhân và áp dụng cho (các) tài khoản được mở kể từ ngày 01 tháng 2 năm 2024.

Notes:

- Biểu phí tiêu chuẩn này có thể được điều chỉnh theo quyết định của Ngân Hàng mà không cần thông báo trước
- Các khoản phí và lệ phí quy định tại đây không bao gồm thuế GTGT và phí của bên thứ ba / ngân hàng đại lý, nếu có.
- Phí và các chi phí đã thanh toán sẽ không được hoàn trả nếu Khách hàng hủy giao dịch.
- Trừ khi có hướng dẫn khác của Ngân Hàng:
Phí / chi phí cho các khoản chuyển tiền đi áp dụng cho người chuyển tiền / người yêu cầu thanh toán
Phí / chi phí cho các khoản tiền đến, nếu có, áp dụng cho tài khoản người thụ hưởng
- Phí dịch vụ sẽ tuân theo Biểu phí tiêu chuẩn này trừ khi có thỏa thuận khác.
- Trường hợp phí thu bằng loại tiền tệ khác với loại tiền tệ thể hiện trên biểu phí, tỷ giá thực hiện giao dịch hoàn đối ngoại tệ do Ngân hàng xác định
- Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Anh có giá trị ưu tiên áp dụng

STANDARD COMMISSIONS AND CHARGES FOR TRADE SERVICES
for Corporates

Effective date: 01/03/2026

TRADE SERVICES		Fee/Commission	Minimum	Maximum	
IMPORTS					
Letters of Credit (LC)					
LC Issuance	Issuance fee	0.125% per month or part thereof on LC value, including tolerance, if any	USD50		
	Cable	USD40			
LC Amendment	Increase in amount	0.125% per month on increased value, including tolerance, if any	USD20		
	Extension of LC validity	0.125% per month on extended tenor	USD20		
	Other amendments	USD20			
Cancellation LC	Cable	USD20			
	Cancellation fee	USD50			
Draft LC service fee	Cable	USD10			
	Handling commission	USD50			
L/C Confirmation fee	Confirmation fee	Case by case based on quotation of Confirming bank			
Inward Bill under Letter of Credit (LC)					
Payment of import bills under LC	Handling commission	0.2% for amount <= USD500,000	USD25		
		0.15% for amount >USD500,000	USD25		
Usance import bills under LC	Cable	Acceptance of usance drafts	USD20		
		0.125% per month	USD25		
Other fees (applied under Import LC)	Cable	Discrepancy fee (deducted from LC amount at payment)	USD60		
		USD20			
Bill of Lading Endorsement	Endorsement fee	USD10 / set			
Collections					
Import Bills for collection (DA / DP)					
Payment of import bills	Cable	Handling commission	USD20	USD200	
		0.15%			
Acceptance of usance bills	Cable	Advice of acceptance	USD40		
		USD20			
Shipping Guarantee					
Issuance fee	Under LC	Not under LC	USD 100		
		USD 50			
	Vetting of non-standard shipping guarantee text	Maintenance fee (for shipping guarantee not returned for cancellation within 30 days from issuance)	USD 100		
			USD 100 / month after 01 month unredeemed		
EXPORTS					
Letters of Credit (LC)					
LC Advising	Original LC Advising	USD20			
LC Amendment Advising	Amendment LC Advising	USD15			
LC Confirmation	Confirmation fee (subject to limit availability with LC Issuing Bank)	Case by case upon quotation of Confirming bank	USD100		
Full/Partial LC Transfer	LC Transfer without document substitution	USD30 per LC / USD15 per amendment + Cable USD 20			
	LC Transfer with document substitution	0.2% on the transferred amount / or USD40 per amendment + Cable USD20	USD20		
Collections of Export bills under LC	Cable, if any	Handling commission	0.20%	USD20	
		Courier - dispatched by DHL	Charged as per DHL pricing table		
Negotiation of Export bills under LC	Cable, if any	Handling commission	0.20%	USD20	
		Courier - dispatched by DHL	Charged as per DHL pricing table		
LC Forfeiting (Discount without recourse of Export Bills under LC)	Cable, if any	Negotiation interest(*)	case by case quotation		
		Handling commission	0.20%	USD50	
	Cable, if any	Negotiation interest(*)	case by case quotation		
		Courier - dispatched by DHL	Charged as per DHL pricing table		

BIỂU PHÍ CHUẨN DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ
Áp dụng cho Khách Hàng Doanh Nghiệp

Ngày hiệu lực: 01/03/2026

DỊCH VỤ THANH TOÁN QUỐC TẾ		Phí	Tối thiểu	Tối đa	
NHẬP KHẨU					
Thư Tín Dụng (LC)					
Phát hành Thư Tín Dụng	Điện phí	Phí phát hành	0.125% mỗi tháng tính trên trị giá Thư tín dụng, bao gồm cả dung sai, nếu có	USD50	
		USD40			
Tu chỉnh Thư Tín Dụng	Điện phí	Tăng giá trị	0.125% mỗi tháng tính trên giá trị tăng thêm, bao gồm cả dung sai, nếu có	USD20	
		Gia hạn hiệu lực	0.125% mỗi tháng tính trên thời hạn gia hạn	USD20	
		Các tu chỉnh khác	USD20		
Hủy Thư Tín Dụng	Điện phí	Phí hủy	USD50		
		USD10			
Dịch vụ kiểm nhập phát hành Thư tín dụng	Phí kiểm nhập	USD50			
Dịch vụ Xác nhận Thư tín dụng	Phí xác nhận	Theo thỏa thuận từng trường hợp dựa trên báo giá của Ngân hàng xác nhận			
Chứng từ nhập khẩu theo Thư Tín Dụng (LC)					
Thanh toán bộ chứng từ nhập khẩu theo LC	Điện phí	Phí thanh toán	0.2% trên giá trị bộ chứng từ <= USD500,000	USD25	
		USD20	0.15% trên giá trị bộ chứng từ >USD500,000	USD25	
Chấp thuận thanh toán trả chậm	Điện phí	Phí chấp thuận thanh toán	0.125% mỗi tháng	USD25	
Các phí khác	Điện phí	Phí bất hợp lệ (trừ vào giá trị bộ chứng từ tại thời điểm thanh toán)	USD60		
		USD20			
Ký hậu vận đơn	Phí ký hậu	USD10 / bộ			
Chứng từ nhờ thu Nhập khẩu					
Chứng từ nhờ thu nhập khẩu (DA / DP)					
Thanh toán bộ chứng từ	Điện phí	Phí thanh toán	0.15%	USD20	
		USD20		USD200	
Chấp thuận thanh toán bộ chứng từ	Điện phí	Thông báo chấp thuận thanh toán	USD40		
		USD20			
Bảo lãnh nhận hàng					
Phát hành bảo lãnh nhận hàng	Không theo Thư Tín Dụng	Theo Thư Tín Dụng	USD 50		
		USD 100			
	Phí xử lý kiểm tra nội dung bảo lãnh không theo mẫu chuẩn của CUB	Phí duy trì (áp dụng cho bảo lãnh nhận hàng không nộp lại cho Ngân hàng để hủy trong vòng 30 ngày kể từ ngày phát hành)	USD 100		
			USD 100/ tháng, tính từ sau 1 tháng bảo lãnh không được hủy		
XUẤT KHẨU					
Thư Tín Dụng (LC)					
Thông báo LC	Điện phí	Phí thông báo LC	USD20		
		USD15			
Xác nhận Thư Tín Dụng	Điện phí	Phí xác nhận (với điều kiện có hạn mức tín dụng với NH phát hành)	Theo từng trường hợp dựa trên báo giá của Ngân hàng xác nhận	USD100	
		Chuyển nhượng LC không thay chứng từ	USD30 mỗi LC / USD15 mỗi tu chỉnh + Điện phí USD 20		
Chuyển nhượng Thư Tín Dụng	Điện phí	Chuyển nhượng LC kèm thay chứng từ	0.2% trên giá trị chuyển nhượng / hoặc USD 40 mỗi tu chỉnh + Điện phí USD20		
		USD20			
Nhờ thu chứng từ xuất khẩu theo LC	Điện phí, nếu có	Phí xử lý	0.20%	USD20	
		Phát chuyển nhanh - gửi bằng DHL	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
Chiết khấu chứng từ xuất khẩu theo LC	Điện phí, nếu có	Phí xử lý	0.20%	USD20	
		Phát chuyển nhanh - gửi bằng DHL	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
Mua hẳn miễn truy đòi bộ chứng từ theo LC	Điện phí, nếu có	Lãi suất chiết khấu(*)	Thỏa thuận		
		Phí xử lý	0.20%	USD50	
	Điện phí, nếu có	Lãi suất chiết khấu(*)	Thỏa thuận		
		Phát chuyển nhanh - gửi bằng DHL	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
		USD20			

Collections (DA / DP)				
Export Bills sent for collection	Handling commission	0.05%	USD20	USD300
	Courier - dispatched by DHL	Charged as per DHL pricing table		
	Cable, if any	USD20		
Discount of Export bills not under LC	Handling commission	0.20%	USD20	
	Courier - dispatched by DHL	Charged as per DHL pricing table		
	Cable, if any	USD20		
Others	Discount interest(*)	case by case quotation		
	Amendment to Collection instructions	USD20		
	Acceptance Advice of Usance Draft	USD20		
GUARANTEE				
Guarantee / Standby LC issuance	Issuance fee	2% per annum	USD100	
	Cable, if any	USD20		
	Postage, if any	USD10		
Guarantee / Standby LC amendment	Increase in amount	2% per annum	USD100	
	Extension of Guarantee validity	2% per annum	USD100	
	Other amendments	USD30		
	Cable, if any	USD20		
	Postage, if any	USD10		
Others	Vetting of non-standard guarantee text	USD 100		
	Cancellation of unexpired guarantee/SBLC	USD 50		
	Cable, if any	USD20		
	Claim handling commission	USD 100		
	Confirmation of Guarantee / Standby LC issued by our correspondents	case by case quotation upon Confirming bank		
FACTORING				
Single-Factor Factoring fee	Handling commission	case by case quotation		
Two-Factor Factoring fee	Handling commission	case by case quotation		
Document processing / Other fee	Handling commission	case by case quotation		
OTHER GENERAL CHARGES				
Other general charges	Cable fee (local)	USD 10		
	Cable fee (overseas)	USD 20		
	Courier	Charged as per DHL pricing table		
	Postage (local)	USD 2		
	Postage (overseas)	USD 10		

Notes:

- These commissions and charges are subject to the Bank's sole decision to change without prior notice.
- Commissions and charges stipulated herein are excluded VAT and third party / correspondent bank charges, if any
- Commissions and charges paid subject to tariff will not be refunded if Customers cancel the transaction.
- Unless otherwise instructed by the Bank:
The commissions / charges for outgoing funds are for account of ordering party / applicant
The commissions / charges for incoming funds, if any, are for beneficiary's account
- Service fee shall follow this Standard Commissions and Charges unless otherwise agreed.
- In case fee is collected in a different currency with the currency stipulated in the bank tariff, the exchange rate of the currency conversions determined by the Bank
- In case of any inconsistency between Vietnamese and English contents, the English version shall prevail.

Chứng từ nhờ thu xuất khẩu (DA / DP)				
Bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu	Phí xử lý	0.05%	USD20	USD300
	Phát chuyển nhanh - gửi bằng DHL	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
	Điện phí, nếu có	USD20		
Mua lại bộ chứng từ nhờ thu xuất khẩu	Phí xử lý	0.20%	USD20	
	Phát chuyển nhanh - gửi bằng DHL	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
	Điện phí, nếu có	USD20		
Các dịch vụ khác	Lãi suất mua lại bộ chứng từ (*)	Thỏa thuận theo từng trường hợp		
	Điều chỉnh chỉ thị nhờ thu chứng từ xuất khẩu	USD20		
	Thông báo chấp thuận thanh toán	USD20		
BẢO LÃNH				
Phát hành Bảo lãnh / Thư tín dụng dự phòng	Phí phát hành	2% per annum	USD100	
	Điện phí, nếu có	USD20		
	Bưu phí, nếu có	USD10		
Tu chỉnh Bảo lãnh / Thư tín dụng dự phòng	Tăng giá trị	2% mỗi năm	USD100	
	Gia hạn hiệu lực	2% mỗi năm	USD100	
	Tu chỉnh khác	USD30		
Các phí khác	Điện phí, nếu có	USD20		
	Bưu phí, nếu có	USD10		
	Phí xử lý kiểm tra nội dung bảo lãnh không theo mẫu chuẩn của CUB	USD 100		
	Hủy bảo lãnh/Thư tín dụng dự phòng chưa hết hiệu lực	USD 50		
	Điện phí, nếu có	USD20		
Các phí khác	Phí xử lý bồi hoàn bảo lãnh	USD 100		
	Xác nhận bảo lãnh / Thư tín dụng dự phòng do ngân hàng đại lý phát hành	Theo từng trường hợp dựa trên báo giá của Ngân hàng xác nhận		
DỊCH VỤ BAO THANH TOÁN				
Bao thanh toán đơn phương	Phí xử lý	Thỏa thuận		
Bao thanh toán song phương	Phí xử lý	Thỏa thuận		
Phí xử lý chứng từ / Phí khác	Phí xử lý	Thỏa thuận		
CÁC PHÍ CHUNG KHÁC				
Các phí chung khác	Điện phí (nội địa)	USD 10		
	Điện phí (nước ngoài)	USD 20		
	Chuyển phát nhanh	Áp dụng theo bảng giá của DHL		
	Bưu phí (nội địa)	USD 2		
	Bưu phí (nước ngoài)	USD 10		

Lưu ý:

- Biểu phí này có thể được điều chỉnh theo quyết định của Ngân Hàng mà không cần thông báo trước
- Biểu phí này không bao gồm thuế GTGT và phí của bên thứ ba / ngân hàng đại lý, nếu có.
- Phí và các chi phí đã thanh toán sẽ không được hoàn trả nếu Khách hàng hủy giao dịch.
- Trừ khi có hướng dẫn khác của Ngân Hàng:
Phí / chi phí cho các khoản chuyển tiền đi áp dụng cho người chuyển tiền / người yêu cầu thanh toán
Phí / chi phí cho các khoản tiền đến, nếu có, áp dụng cho tài khoản người thụ hưởng
- Phí dịch vụ sẽ tuân theo Biểu phí tiêu chuẩn này trừ khi có thỏa thuận khác.
- Trường hợp phí thu bằng loại tiền tệ khác với loại tiền tệ thể hiện trên biểu phí, tỷ giá thực hiện giao dịch hoàn đổi ngoại tệ do Ngân hàng xác định
- Trường hợp có sự khác biệt giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh, nội dung tiếng Anh có giá trị ưu tiên áp dụng